

Số: 423/TTr-MIE-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua báo cáo tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024  
của HĐQT, BKS, TGD & Người quản lý khác và Kế hoạch chi trả tiền lương,  
thù lao năm 2025 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025  
Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 4302/BCT-TCCB ngày 16/6/2025 của Bộ Công Thương về việc quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 và Kế hoạch lương năm 2025 của Tổng công ty;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc & Người quản lý khác và Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2025 của Thành viên hội đồng và Kiểm soát viên như sau:

1) Báo cáo tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác theo Phụ lục 01 đính kèm;

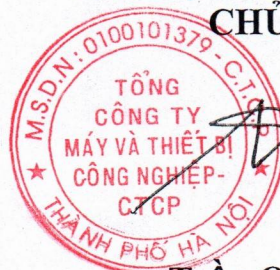
2) Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2025 của Thành viên hội đồng và Kiểm soát viên theo Phụ lục 02 đính kèm.

Tiền lương, thù lao trong năm 2025: Giao cho Hội đồng quản trị căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh quyết định mức chi trả cụ thể.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS;
- Ban TCKT;
- Lưu: VT, TCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Quốc Toàn**



**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO THỰC HIỆN NĂM 2024**  
**CỦA HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**  
**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

(Kèm theo Tờ trình số **423** /TTr-MIE-HĐQT ngày **17** tháng 6 năm 2025)

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao (đồng/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Người quản lý chuyên trách là Người đại diện vốn</b>		<b>939.190.800</b>	
1	Trần Quốc Toàn	Chủ tịch HĐQT	443.232.000	
2	Lê Huy Hải	TV HĐQT, TGD	218.398.800	
3	Phạm Thành Đông	Nguyên TV HĐQT, TGD	277.560.000	
<b>II</b>	<b>Người quản lý chuyên trách không là Người đại diện vốn</b>		<b>996.658.400</b>	
1	Hoàng Minh Việt	TV HĐQT	268.709.400	
2	Phạm Thành Đông	Nguyên TV HĐQT	43.200.000	
3	Đinh Quang Hòa	Trưởng BKS	332.424.000	
4	Vũ Trung Thực	TV HĐQT, PTGD	201.233.000	
5	Đinh Hồng Mai	Chủ tịch HĐQT	151.092.000	
<b>III</b>	<b>Người quản lý không chuyên trách</b>		<b>348.380.952</b>	
1	Cù Ngọc Phương	TV HĐQT	70.000.000	
2	Trần Thị Thu Trang	Nguyên TV HĐQT	15.380.952	
3	Lê Huy Hải	PTGD kiêm nhiệm	42.000.000	
4	Vũ Trung Thực	PTGD kiêm nhiệm	25.000.000	
5	Đậu Huy Ngọc Linh	PTGD kiêm nhiệm	56.000.000	
6	Nguyễn Ngọc Hùng	Người đại diện vốn NN kiêm nhiệm	82.000.000	
7	Lê Thị Minh Huyền	KSV kiêm nhiệm	29.000.000	
8	Nguyễn Thị Khánh Ly	KSV kiêm nhiệm	29.000.000	
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng (V= I+II+III+IV)</b>		<b>2.284.230.152</b>	

**Ghi chú:**

Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024: theo số liệu thực tế chi năm 2024.



*Handwritten signature/initials.*



**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**KẾ HOẠCH CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO NĂM 2025**  
**CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN**  
**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP**

(Kèm theo Tờ trình số **423** /TTr-MIE-HĐQT ngày **17** tháng 6 năm 2025)

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Tiền lương, thù lao (đồng/tháng)	Tổng cộng tiền lương, thù lao (đồng/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4) x (5)	(7)
<b>A</b>	<b>Tiền lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên là người đại diện vốn nhà nước</b>	<b>3</b>	<b>36</b>		<b>842.400.000</b>	
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	12	53.000.000	636.000.000	
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	2	24	8.600.000	206.400.000	
<b>B</b>	<b>Tiền lương, thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không là người đại diện vốn nhà nước</b>	<b>5</b>	<b>60</b>		<b>1.353.600.000</b>	
<b>I</b>	<b>Tiền lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách</b>	<b>2</b>	<b>24</b>		<b>1.044.000.000</b>	
1	Thành viên HĐQT	1	12	43.000.000	516.000.000	
2	Trưởng Ban Kiểm soát	1	12	44.000.000	528.000.000	
<b>II</b>	<b>Thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách</b>	<b>3</b>	<b>36</b>		<b>309.600.000</b>	
1	Thành viên HĐQT	1	12	8.600.000	103.200.000	
2	Kiểm soát viên	2	24	8.600.000	206.400.000	
<b>C</b>	<b>Tổng cộng (C= A+B)</b>	<b>8</b>	<b>96</b>		<b>2.196.000.000</b>	

**Ghi chú:**

Tiền lương, thù lao chi trả trong năm 2025: Giao cho Hội đồng quản trị căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh quyết định mức chi trả cụ thể.